

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và xây dựng 36;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 142/XD36-CCNVH ngày 21/10/2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và xây dựng 36 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thị trấn Vạn Hà, tại xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 935/TTr-STNMT ngày 26 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và Xây dựng 36, địa chỉ tại: Km323+050TTQL1, thôn Tiến Thành, xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp thị trấn Vạn Hà, xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thị trấn Vạn Hà tại xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2801687927, đăng ký lần đầu ngày 18/05/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23/06/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp.

1.4. Mã đăng ký kinh doanh: 2801687927

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, kinh doanh, dịch vụ: Cụm công nghiệp, gồm các ngành: May mặc, da giày; điện tử, viễn thông, điện lạnh, chế biến thực phẩm, nước giải khát, chế biến gỗ (không nấu, tẩm); vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, văn phòng phẩm, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, sản xuất từ bột giấy tái chế (nguyên liệu bột giấy được thu mua từ các đơn vị trong, ngoài tỉnh, không sản xuất bột giấy tái chế); sản xuất các sản phẩm nhựa (ngành nước, gia dụng, công nghiệp) nguyên liệu sản xuất từ hạt nhựa; sản xuất các sản phẩm kim loại, linh kiện, phụ kiện, phụ kiện kim loại ngành nước (không nấu kim loại, xi mạ)...và các ngành nghề khác có liên quan.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 17,64 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và xây dựng 36:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và xây dựng 36 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 10 tháng 11 năm 2022 đến ngày 10 tháng 11 năm 2032).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Thiệu Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và xây dựng 36;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Thiệu Hóa;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt, bao gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh của nhà văn phòng điều hành cụm công nghiệp (nước xám và nước đen): Nước đen là nước thải đi qua bể tự hoại từ bồn cầu, bồn tiểu; nước xám là nước không đi qua bể tự hoại như nước tắm rửa, giặt rũ, phát sinh, lưu lượng 5,0m³/ngày đêm;

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của khu thương mại dịch vụ hỗn hợp (nước xám và nước đen): Nước đen là nước thải đi qua bể tự hoại từ bồn cầu, bồn tiểu; nước xám là nước không đi qua bể tự hoại như nước tắm rửa, giặt rũ, phát sinh, lưu lượng 45m³/ngày đêm.

1.2. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất, bao gồm:

- Nguồn số 03: Nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh của nhà đầu tư thứ cấp trong cụm công nghiệp, được xử lý sơ bộ trước khi thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp, lưu lượng lớn nhất khoảng 640 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 04: Nước thải từ Trạm xử lý nước sạch, lưu lượng 10 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Mậu Khê.

2.2. Vị trí xả thải:

- Tại mương tiêu thoát nước chung của khu vực phía Nam Cụm công nghiệp tại thôn Vĩnh Điện, xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

+ Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiếu 3⁰): X = 2201222(m); Y = 566119(m).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 700m³/ngày đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau bể khử trùng được quan trắc tự động, liên tục trước khi tự chảy vào mương tiêu thoát nước chung của khu vực phía Nam Cụm công nghiệp chảy ra sông Mậu Khê.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị

tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	5,5 đến 9		Đã lắp đặt
3	TSS	mg/l	90		Đã lắp đặt
4	COD	mg/l	135		Đã lắp đặt
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	9		Đã lắp đặt
6	BOD ₅	mg/l	45		Không áp dụng
7	As	mg/l	0,09		
8	Hg	mg/l	0,009		
9	Pb	mg/l	0,45		
10	Cd	mg/l	0,09		
11	Mn	mg/l	0,9		
12	Tổng N (theo N)	mg/l	36		
13	Tổng P (theo P)	mg/l	5,4		
14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9		
15	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được thu gom bằng hệ thống đường ống HDPE, DN200 về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 700 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải thu gom từ sinh hoạt và sản xuất → Bể điều hòa → Bể phản ứng hóa lý → Bể lắng sơ cấp → Bể lọc thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Đường ống HDPE, DN200 → Mương tiêu thoát nước chung của khu vực phía Nam cụm công nghiệp, sau đó chảy ra sông Mậu Khê.

- Công suất thiết kế: 700 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H₂SO₄, NaOH, NaHCO₃, NaOCl, phèn nhôm PAC, Polymer Cation (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước

thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm
- Vị trí lắp đặt: Tại kênh hở dẫn nước thải sau khi xử lý, trước khi chảy vào mương tiêu thoát nước chung của khu vực phía Nam Cụm công nghiệp.
- Thông số lắp đặt: Nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.
- Camera theo dõi: Lắp đặt trước khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm.
- Kết nối, truyền số liệu: Trước khi đi vào vận hành thử nghiệm Chủ dự án phải hoàn thành việc lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá để kiểm tra, xác nhận.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đầu tư xây dựng 02 hồ sự cố đáy lót bạt HDPE, thành xây bằng gạch, phía Bắc Trạm xử lý nước thải có tổng dung tích chứa 1.653m³ đảm bảo dung tích chứa nước thải tối thiểu 02 ngày khi có sự cố xảy ra.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp Trạm xử lý nước thải tập trung không hoạt động hoặc dừng hoạt động để sửa chữa, thay thế thiết bị định kỳ. Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ các nhà đầu tư thứ cấp chảy về bể gom, sau đó sẽ được bơm về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong, nước thải được bơm từ hồ sự cố về Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Trường hợp tắc, vỡ đường ống thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp, sẽ được bơm chuyển tải về hố thu kế tiếp đảm bảo nước thải được thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Đối với nước thải sau xử lý ra mương tiêu thoát nước chung của khu vực, trong trường hợp nước thải sau xử lý có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép, Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư và Xây dựng 36 chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: 04 tháng (từ tháng 8/2023 đến tháng 11/2023).

2.3. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

2.3.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải tại bể điều hòa và mẫu nước thải sau xử lý trước khi chảy vào mương tiêu thoát nước chung của khu vực phía Nam Cụm công nghiệp

2.3.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.4. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, duy tu, bảo dưỡng máy và thay thế thiết bị cho hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và các công trình xử lý chất thải.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải; báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ.

3.5. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và quy định Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 100KVA, lưu lượng khí thải lớn nhất là 870 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả thải (khí thải sau xử lý tại ống khói của máy phát điện dự phòng): thôn Vĩnh Điện, thôn Thuận Tôn, xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

- Toạ độ vị trí xả khí thải (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°): X: 2201768; Y: 571325.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 870 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả không liên tục (Chỉ khi vận hành máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số k_p=1, hệ số k_v=1, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

Khí thải của máy phát điện dự phòng khi hoạt động, nhà sản xuất đã tích hợp hệ thống xử lý khí thải động cơ diesel trong hệ thống ống thoát khí thải động cơ kèm theo máy để đảm bảo khí thải được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải:

Khí thải của máy phát điện dự phòng đã tích hợp trong hệ thống ống thoát khí thải của động cơ diesel kèm theo máy → ra môi trường

- Công suất thiết kế: 8.700 m³/giờ.

1.2.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.2.3. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải của máy phát điện dự phòng, nếu có dấu hiệu hỏng hóc thì tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

1.3.2. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng thiết bị, sử dụng nhiên liệu theo đúng tiêu chuẩn cho máy phát điện dự phòng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành máy phát điện phát sinh khí thải đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại Mục 2 phần A của Phụ lục 2.

3.2. Thực hiện vận hành máy phát điện đúng quy trình kỹ thuật của nhà sản xuất; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thay thế thiết bị cho hệ thống xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy nén khí, máy bơm phục vụ cho Trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Nguồn số 01, số 02 phát sinh ra thôn Vĩnh Điện, xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiếu 3^0): X = 2201969; Y = 571444.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	200
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại (vỏ thùng sơn)	18 01 02	10
3	Bao bì cứng bằng nhựa bị nhiễm các TPNH (can nhựa đựng hóa chất)	18 01 03	20
4	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	18 02 01	20
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	2,0
6	Bao bì mềm có chứa hóa chất	18 01 06	5,0
7	Than hoạt tính thải bỏ	12 10 04	1.000
Tổng khối lượng			1.257

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	580.000
2	Vật liệu lọc	7.000
Tổng khối lượng		587.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (T/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	4,2
Tổng khối lượng		4, 2

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Sử dụng chung nhà điều hành Trạm xử lý nước thải 35,0 m², phân lưu giữ CTNH có diện tích 6,0 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, tường xây gạch, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, mái lợp tôn.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Các loại thiết bị, vật liệu lọc sửa chữa, thay thế từ hệ thống xử lý nước thải, trạm xử lý nước sạch; bùn thải không chứa thành phần nguy hại được đóng vào thùng, bao chứa và tập kết vào khu lưu giữ có diện tích 6,0 – 8,0 m².

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Sử dụng chung nhà điều hành Trạm xử lý nước thải 35,0 m², phân lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 6,0-8,0 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, tường xây gạch, mái lợp tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng nhựa đựng chất thải sinh hoạt có nắp đậy và bánh xe. Thùng nhựa và xe thu gom rác thải được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: có diện tích 25,0m², nền đổ bê tông, xây tường gạch cao 50cm, mái lợp tôn.

2.4. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải, khí thải;

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố

môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường;

- Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. /.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN:

1. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án.

- Các hạng mục, công trình xây dựng của dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường gồm:

+ Khu hành chính, nhà điều hành cụm công nghiệp và các công trình phụ trợ khác, diện tích 1,66 ha;

+ Trồng cây xanh, cách ly quanh cụm công nghiệp với chiều rộng $\geq 10m$, bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo quy định.

2. Trong quá trình thi công, xây dựng thực hiện các biện pháp về thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn, bụi, tiếng ồn:

- Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...;

- Bố trí các rãnh thoát nước tạm thời, luôn khơi thông dòng chảy để không gây ngập úng cục bộ; lắp đặt nhà vệ sinh di động để thu gom nước thải vệ sinh của công nhân; Kho nguyên vật liệu có bố trí thiết bị phòng chống cháy, nổ;

- Bố trí các thùng rác sinh hoạt có nắp đậy kín dung tích 120 lít tại khu vực lán trại của công nhân, chất thải xây dựng được tập kết về khu tập trung chất thải xây dựng và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định;

- Các loại loại chất thải nguy hại thu gom và lưu trữ trong thùng chứa chất thải 120 lít có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định;

- Các phương tiện chuyên chở vật liệu san lấp, vật liệu thi công phải đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam; che phủ bạt kín khi vận chuyển không để rơi rớt vật liệu; không trở hàng hoá quá tải trọng cho phép;

- Bố trí các rãnh thoát nước tạm thời, luôn khơi thông dòng chảy để không gây ngập úng cục bộ; Kho nguyên vật liệu có bố trí thiết bị phòng chống cháy, nổ;

- Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật; bố trí thời gian thi công hợp lý; kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện thường xuyên, che chắn xung quang khu vực công trường;

- Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ Dự án.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, trách nhiệm về đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường 2020; Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; 4. Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

4. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

5. Lắp đặt bổ sung thông số Lưu lượng (đầu vào, đầu ra) cho Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục; Camera theo dõi tại Nhà trạm quan trắc, kênh đo lưu lượng.

6. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành;

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.